



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 25 tháng 6 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 25 tháng 6 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Dr Nguyễn Đăng Quang
Ông Hồ Hùng Anh

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
(đến ngày 12 tháng 4 năm 2018)

Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Lars Kjaer
Ông Dominic Edward Salter Price

Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Dr Nguyễn Đăng Quang
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Michael Hung Nguyen
Ông Nguyễn Anh Nguyên
Ông Seokhee Won

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 27 tháng 2 năm 2018)

Đại diện pháp lý

Dr Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-01-271/01



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Chong Kwang Puay

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0864-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		1.476.594.017.180	1.450.395.265.773
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	91.190.178.338	129.224.525.040
Tiền	111		31.190.178.338	40.325.525.040
Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	88.899.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.348.390.000	44.210.730.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	24.348.390.000	44.210.730.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.346.622.979.287	1.265.150.900.563
Phải thu của khách hàng	131		11.756.173.459	11.632.964.654
Trả trước cho người bán	132		1.608.246.077	89.100.808
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	1.333.258.559.751	1.253.428.835.101
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.432.469.555	11.809.110.170
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.007.244.058	251.667.808
Thuế phải thu Nhà nước	153	8	11.425.225.497	11.557.442.362
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		21.049.847.997.434	21.106.739.653.822
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.258.962.144.348	2.258.495.044.988
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	2.258.962.144.348	2.258.495.044.988
Tài sản cố định	220		4.133.794.329	4.771.031.643
Tài sản cố định hữu hình	221	9	4.054.879.526	4.556.195.803
Nguyên giá	222		27.610.311.886	27.435.580.956
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.555.432.360)	(22.879.385.153)
Tài sản cố định vô hình	227	10	78.914.803	214.835.840
Nguyên giá	228		4.697.122.903	4.697.122.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.618.208.100)	(4.482.287.063)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.577.114.383	118.585.500
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.577.114.383	118.585.500
Đầu tư tài chính dài hạn	250		18.761.519.586.507	18.798.446.091.448
Đầu tư vào các công ty con	251	6(b)	14.382.682.508.871	14.419.609.013.812
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	6(c)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Tài sản dài hạn khác	260		22.655.357.867	44.908.900.243
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	22.655.357.867	44.908.900.243
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		22.526.442.014.614	22.557.134.919.595

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

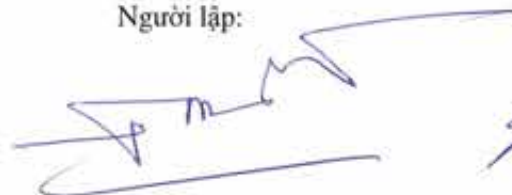
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		9.947.676.875.014	10.957.863.435.238
Nợ ngắn hạn	310		1.011.310.208.347	1.103.426.768.571
Phải trả người bán	311		712.400	444.586.400
Thuế phải nộp Nhà Nước	313		1.736.253	29.244.600
Chi phí phải trả	315	12	181.047.958.624	250.260.648.457
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	25.259.801.070	56.267.289.114
Vay ngắn hạn	320	14	805.000.000.000	796.425.000.000
Nợ dài hạn	330		8.936.366.666.667	9.854.436.666.667
Vay và trái phiếu dài hạn	338	14	8.936.366.666.667	9.854.436.666.667
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		12.578.765.139.600	11.599.271.484.357
Vốn chủ sở hữu	410	15	12.578.765.139.600	11.599.271.484.357
Vốn cổ phần	411	16	11.631.495.480.000	11.573.739.740.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	16	6.855.489.345.096	6.855.539.345.096
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(1.695.338.182.568)	(1.695.338.182.568)
Cổ phiếu quỹ	415	16	(6.518.087.064.615)	(6.518.087.064.615)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.305.205.561.687	1.383.417.646.444
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.383.417.646.444	30.023.103.428
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này/năm trước	421b		921.787.915.243	1.353.394.543.016
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		22.526.442.014.614	22.557.134.919.595

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.487.800.233.515	1.236.527.937.457
Chi phí tài chính	22	20	468.538.345.212	378.536.192.901
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		457.648.193.684	377.392.249.585
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	97.473.973.060	60.459.667.210
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)	30		921.787.915.243	797.532.077.346
Chi phí khác	32		-	86.017.227
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = - 32)	40		-	(86.017.227)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		921.787.915.243	797.446.060.119
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		921.787.915.243	797.446.060.119

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính

Dr. Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		921.787.915.243	797.446.060.119
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		811.968.244	1.290.281.207
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.451.721.043	(1.006.440.886)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(1.486.098.435.539)	(1.234.748.797.446)
Chi phí lãi vay	06		457.648.193.684	377.392.249.585
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(97.398.637.325)	(59.626.647.421)
Tăng các khoản phải thu và tài sản khác (Giảm)/tăng các khoản phải trả và nợ phải trả khác	9 11		(1.735.969.363) (32.880.807.103)	(1.152.869.776) 31.278.342.019
Giảm chi phí trả trước	12		19.497.966.126	20.196.884.055
			(112.517.447.665)	(9.304.291.123)
Tiền lãi vay đã trả	14		(423.592.916.666)	(327.915.188.681)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(536.110.364.331)	(337.219.479.804)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.633.259.813)	(203.881.578)
Tiền chi cho các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(89.348.390.000)	(97.830.730.000)
Tiền thu từ các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		109.210.730.000	59.138.950.000
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	26		379.584.000.000	7.568.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay và cổ tức	27		43.574.527.290	1.939.442.856.900
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		440.387.607.477	1.908.115.195.322

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		57.705.740.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	910.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(369.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		(17.400.000)	(2.276.495.772.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		57.688.340.000	(1.735.495.772.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(38.034.416.854)	(164.600.056.482)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		129.224.525.040	499.923.209.801
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		70.152	(209.114)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	91.190.178.338	335.322.944.205

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

Người lập:


Đoàn Thị Mỹ Duyên
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


Michael Hung Nguyen
 Phó Tổng Giám đốc
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

 Dr Nguyễn Đăng Quang
 Chủ tịch
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 35 nhân viên (1/1/2018: 32 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nâng cấp tài sản thuê 5 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí nâng cấp tài sản thuê chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình nâng cấp.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(ii) Phí dịch vụ tư vấn

Phí dịch vụ tư vấn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(k) Vốn chủ sở hữu

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

(iii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)*

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập cổ tức; thu nhập lãi tiền gửi và cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái và lãi từ thanh lý các khoản đầu tư.

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, chi phí đi vay được phân bổ và lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(p) Chi trả bằng cổ phần

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo mệnh giá được ghi nhận theo mệnh giá.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu nào trong ước tính kế toán so với các ước tính được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ trước.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	87.308.966	110.708.966
Tiền gửi ngân hàng	31.102.869.372	40.214.816.074
Các khoản tương đương tiền	60.000.000.000	88.899.000.000
	91.190.178.338	129.224.525.040

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

6. Đầu tư tài chính

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (a)	24.348.390.000	44.210.730.000
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào các công ty con (b)	14.382.682.508.871	14.419.609.013.812
Đầu tư vào một công ty liên kết (c)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
	18.761.519.586.507	18.798.446.091.448

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào các công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

	30/6/2018				1/1/2018					
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty TNHH MasanConsumerHoldings ("MCH")	85,7%	85,7%	516.600.000.000	-	- (**)	85,7%	85,7%	516.600.000.000	-	- (**)
▪ Công ty TNHH Tâm nhìn Masan ("MH")	99,9%	99,9%	11.950.000.000.000	-	- (**)	99,9%	99,9%	11.950.000.000.000	-	- (**)
▪ Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science ("MNS") (*)	80,8%	80,8%	1.916.082.508.871	-	- (**)	82,4%	82,4%	1.953.009.013.812	-	- (**)
			<u>14.382.682.508.871</u>		<u>- (**)</u>			<u>14.419.609.013.812</u>		<u>- (**)</u>

(*) Trong kỳ, Công ty đã bán 0,8% và 0,76% lợi ích trong MNS lần lượt cho PENM IV Germany GmbH & Co. Kg và các cổ đông khác.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Techcombank được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phải thu từ các bên liên quan	1.332.016.202.236	1.252.337.892.836
Thu nhập lãi tiền gửi phải thu	893.537.853	945.754.802
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	29.500.000	29.500.000
Phải thu khác	319.319.662	115.687.463
	1.333.258.559.751	1.253.428.835.101

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- 883.046 triệu VND (1/1/2018: 883.046 triệu VND) liên quan đến lãi phải thu của một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con, số dư nợ gốc của khoản vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 11 năm 2018;
- 226.676 triệu VND (1/1/2018: 226.676 triệu VND) liên quan đến lãi phải thu của một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con, số dư nợ gốc của khoản vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 12 năm 2018;
- Khoản phải thu phi thương mại với số tiền là 142.244 triệu VND (1/1/2018: 142.244 triệu VND) từ Công ty Cổ phần Masan, một bên liên quan, không có đảm bảo và sẽ thu được khi yêu cầu; và
- Khoản phải thu phi thương mại với số tiền là 50 triệu VND (1/1/2018: 372 triệu VND) không có đảm bảo và sẽ thu được khi yêu cầu.
- Khoản cổ tức phải thu là 80.000 triệu VND (1/1/2018: không) sẽ thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phải thu từ các bên liên quan	2.256.036.149.988	2.256.036.149.988
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.925.994.360	2.458.895.000
	2.258.962.144.348	2.258.495.044.988
	2.258.962.144.348	2.258.495.044.988

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- 1.124.124 triệu VND (1/1/2018: 1.124.124 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu của các khoản cho vay không được đảm bảo cấp cho các công ty con, số dư nợ gốc của các khoản vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 12 năm 2020;
- 68.576 triệu VND (1/1/2018: 68.576 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu của một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con, số dư nợ gốc của khoản vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 11 năm 2021; và
- 1.063.336 triệu VND (1/1/2018: 1.063.336 triệu VND) liên quan đến khoản phải thu từ việc thanh lý 4.891.000 trái phiếu chuyển đổi của một công ty liên kết cho một công ty con. Khoản này sẽ được thu trong tháng 12 năm 2019.

8. Thuế phải thu Nhà nước

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	398.015.743	398.015.743
Thuế nhà thầu nước ngoài	11.027.209.754	11.159.426.619
	11.425.225.497	11.557.442.362
	11.425.225.497	11.557.442.362

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	21.399.524.698	6.036.056.258	27.435.580.956
Tăng trong kỳ	-	174.730.930	174.730.930
Số dư cuối kỳ	21.399.524.698	6.210.787.188	27.610.311.886
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	17.017.575.932	5.861.809.221	22.879.385.153
Khấu hao trong kỳ	625.997.472	50.049.735	676.047.207
Số dư cuối kỳ	17.643.573.404	5.911.858.956	23.555.432.360
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	4.381.948.766	174.247.037	4.556.195.803
Số dư cuối kỳ	3.755.951.294	298.928.232	4.054.879.526

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 20.862 triệu VND (1/1/2018: 19.808 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	4.697.122.903
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	4.482.287.063
Khấu hao trong kỳ	135.921.037
Số dư cuối kỳ	4.618.208.100
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	214.835.840
Số dư cuối kỳ	78.914.803

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 4.532 triệu VND (1/1/2018: 60 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Phí dịch vụ tư vấn VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	213.080.293	44.695.819.950	44.908.900.243
Tăng trong kỳ	172.763.232	-	172.763.232
Phân bổ trong kỳ	(78.395.630)	(22.347.909.978)	(22.426.305.608)
Số dư cuối kỳ	307.447.895	22.347.909.972	22.655.357.867

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí phải trả

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	163.383.194.445	231.176.547.566
Phí dịch vụ chuyên môn	9.079.451.452	4.229.583.720
Chi phí khác	8.585.312.727	14.854.517.171
	181.047.958.624	250.260.648.457
	181.047.958.624	250.260.648.457

13. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Cổ tức phải trả	11.130.000	28.530.000
Phải trả khác	25.248.671.070	56.238.759.114
	25.259.801.070	56.267.289.114
	25.259.801.070	56.267.289.114

14. Vay và trái phiếu

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Vay dài hạn đến hạn trả	805.000.000.000	796.425.000.000
	805.000.000.000	796.425.000.000
Vay và trái phiếu dài hạn (*)		
Vay và trái phiếu dài hạn	9.741.366.666.667	10.650.861.666.667
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(805.000.000.000)	(796.425.000.000)
	8.936.366.666.667	9.854.436.666.667
	8.936.366.666.667	9.854.436.666.667

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(*) Vay và trái phiếu dài hạn bao gồm:

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trái phiếu thường (a)	8.936.366.666.667	8.917.436.666.667
Khoản vay không đảm bảo (b)	805.000.000.000	1.733.425.000.000
	9.741.366.666.667	10.650.861.666.667
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(805.000.000.000)	(796.425.000.000)
	8.936.366.666.667	9.854.436.666.667
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		

(a) Trái phiếu thường

Các trái phiếu của Công ty bao gồm:

- 6.000 tỷ VND (1/1/2018: 6.000 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành, với thời gian đáo hạn là 5 năm và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. MCH đã thế chấp 81,3 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan để đảm bảo cho các trái phiếu này.
- 3.000 tỷ VND (1/1/2018: 3.000 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành, với thời gian đáo hạn là 2 năm và chịu lãi suất năm cố định là 9,0%. Trái phiếu này không được đảm bảo.

Trong kỳ, Công ty đã tuân thủ các điều khoản đối với các trái phiếu trên.

(b) Khoản vay không đảm bảo

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2018	1/1/2018
				VND	VND
MRC Ltd (**)	USD	0%	2018	805.000.000.000	796.425.000.000
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	VND	6,5%	2021	-	937.000.000.000
				805.000.000.000	1.733.425.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (**) Khoản vay bằng USD với số tiền là 805.000 triệu VND (tương đương với 35 triệu USD) sẽ đến hạn trong tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 796.425 triệu VND).

Công ty đã ký một thỏa thuận với MRC Ltd, một nhà đầu tư thiểu số trước đây trong Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan ("MR"), một công ty con, cho phép MRC Ltd mua 12.000.000 cổ phiếu của Công ty với giá mỗi cổ phiếu là 95.000 VND, và Công ty cũng ký một hợp đồng vay với MRC Ltd cho một khoản vay không đảm bảo với số tiền là 35 triệu USD. Khoản vay này phải trả sau hai năm kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất năm là 0%. Trong trường hợp MRC Ltd bán bất kỳ cổ phiếu nào trong 12.000.000 cổ phiếu của Công ty đã mua trước đó, số cổ phiếu này sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm, khoản vay phải trả sẽ được giảm tương ứng. Và MRC Ltd đã ký một thỏa thuận để cấp cho Công ty một quyền chọn mua, theo đó Công ty hoặc người được chỉ định bởi Công ty sẽ có quyền, nhưng không bắt buộc, mua từ MRC Ltd cổ phiếu của Công ty với giá mỗi cổ phiếu là 112.000 VND, giá này sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm. Quyền chọn này chỉ được thực hiện trong vòng 10 ngày làm việc trong trường hợp MRC Ltd gửi thông báo thanh toán cho khoản vay trên. Thông báo thanh toán đã được gửi vào ngày 8 tháng 1 năm 2018 và quyền chọn mua đã hết hiệu lực. Số lượng cổ phiếu được mua sẽ được tính dựa trên tỷ lệ số tiền vay đã thanh toán trên tổng số dư nợ gốc là 35 triệu USD nhân với 12.000.000 cổ phiếu, số cổ phiếu này sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	7.680.756.740.000	10.649.796.345.096	(1.695.338.182.568)	(641.110.498.916)	30.023.103.428	16.024.127.507.040
Phát hành cổ phiếu thưởng	3.794.207.000.000	(3.794.207.000.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	797.446.060.119	797.446.060.119
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	11.474.963.740.000	6.855.589.345.096	(1.695.338.182.568)	(641.110.498.916)	827.469.163.547	16.821.573.567.159
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	11.573.739.740.000	6.855.539.345.096	(1.695.338.182.568)	(6.518.087.064.615)	1.383.417.646.444	11.599.271.484.357
Phát hành cổ phiếu	57.755.740.000	(50.000.000)	-	-	-	57.705.740.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	921.787.915.243	921.787.915.243
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	11.631.495.480.000	6.855.489.345.096	(1.695.338.182.568)	(6.518.087.064.615)	2.305.205.561.687	12.578.765.139.600



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.163.149.548	11.631.495.480.000	1.157.373.974	11.573.739.740.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.163.149.548	11.631.495.480.000	1.157.373.974	11.573.739.740.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	6.855.489.345.096	-	6.855.539.345.096
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(109.899.932)	(6.518.087.064.615)	(109.899.932)	(6.518.087.064.615)

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động trong kỳ của vốn cổ phần như sau:

	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018		Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	1.157.373.974	11.573.739.740.000	768.075.674	7.680.756.740.000
Phát hành cổ phiếu thưởng	-	-	379.420.700	3.794.207.000.000
Phát hành cổ phiếu theo mệnh giá bằng tiền	5.775.574	57.755.740.000	-	-
Số dư cuối kỳ	1.163.149.548	11.631.495.480.000	1.147.496.374	11.474.963.740.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi trả bằng cổ phần

Công ty có kế hoạch trả thù lao bằng cổ phần dựa trên việc đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phần trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên.

Trong tháng 6 năm 2018, Công ty đã phát hành 5.775.574 cổ phần cho nhân viên theo mệnh giá bằng tiền.

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	11.078.876.480	9.677.578.400
Trong vòng hai đến năm năm	7.524.610.520	9.677.578.400
	18.603.487.000	19.355.156.800

(b) Ngoại tệ

	30/6/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	292	6.693.670	299	6.773.074
		6.693.670		6.773.074

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND
Thu nhập cổ tức từ các công ty con	1.135.573.000.000	973.151.229.857
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	344.236.013.814	-
Thu nhập lãi từ các khoản cho các công ty con vay	-	254.457.443.495
Thu nhập lãi tiền gửi	7.867.940.480	7.869.264.105
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	123.279.221	1.050.000.000
	1.487.800.233.515	1.236.527.937.457

20. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND
Chi phí lãi vay/phát hành trái phiếu từ:		
• Trái chủ và các bên khác	447.970.138.889	339.444.003.010
• Các công ty con	9.678.054.795	37.948.246.575
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.575.000.000	43.559.114
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	1.578.518.755	729.140.011
Chi phí khác	736.632.773	371.244.191
	468.538.345.212	378.536.192.901

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND
Chi phí khấu hao và phân bổ	811.968.244	1.290.281.207
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.838.458.284	37.740.867.494
Chi phí nhân viên và chi phí khác	57.823.546.532	21.428.518.509
	97.473.973.060	60.459.667.210

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018		Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017	
	%	VND	%	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	100%	921.787.915.243	100%	797.446.060.119
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20,00%	184.357.583.049	20,00%	159.489.212.024
Biến động chênh lệch tạm thời	0,07%	609.069.562	(0,09%)	(687.598.902)
Thu nhập không chịu thuế	(24,64%)	(227.114.600.000)	(24,41%)	(194.630.245.971)
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,00%	42.851.163	0,01%	97.385.829
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	4,57%	42.105.096.226	4,48%	35.731.247.020
	-	-	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND
Công ty con sở hữu trực tiếp			
Công ty TNHH Tâm nhìn Masan	Thu nhập lãi cho vay	-	254.457.443.495
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cổ tức	-	973.151.229.857
Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science	Cổ tức	1.135.573.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND
Công ty con sở hữu gián tiếp			
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	Khoản vay nhận được	-	910.000.000.000
	Khoản vay đã trả	-	369.000.000.000
	Chi phí lãi vay	9.678.054.795	37.948.246.575
	Cần trừ cổ tức phải thu với khoản vay	937.000.000.000	-
	Cần trừ cổ tức phải thu với lãi vay phải trả	82.918.630.139	-
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao cho Ban quản lý chủ chốt (*)	9.977.175.330	5.225.506.095

Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND	Từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND
Cần trừ cổ tức phải thu với khoản vay từ một công ty con	937.000.000.000	-
Cần trừ cổ tức phải thu với lãi vay phải trả cho một công ty con	82.918.630.139	-

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính



Dr. Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

11

